

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2020
V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thời, bà Hà Thị Thúy.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 314/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36A/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1983.

ĐKHKTT: Số 161 QT, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện cư trú tại: Số 9/119/55 ĐM, phường TB, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nghiêm Trọng T**, sinh năm 1978.

ĐKHKTT và hiện cư trú tại: Số 161 QT, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chị N, anh T vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Nghiêm Trọng T được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố

H, tỉnh Hải Dương ngày 08/10/2007. Sau khi kết hôn anh, chị về sống cùng bố mẹ chồng tại số 161 QT, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc với nhau khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã được gia đình động viên hòa giải nhưng không cải thiện được. Đến năm 2015, chị chuyển ra thuê trọ ở. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay việc ai người ấy làm không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị xác định mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T không còn, do vậy chị giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T; Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nghiêm Phương A, sinh ngày 21/6/2008 và Nghiêm Bảo L, sinh ngày 16/7/2013. Từ khi ly thân, cháu L ở cùng chị, cháu Phương A ở cùng anh T. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, để anh T tiếp tục nuôi cháu Phương A không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau; Về tài sản: Vợ chồng chị cũng không có tài sản chung, không có nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của anh T thể hiện: Hiện anh vẫn sinh sống tại số 161 QT, phường B, thành phố H. Anh xác định đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vì lý do công việc nên không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập được. Đến nay, anh xác định tình cảm với chị N không còn nên chị N xin ly hôn, anh đồng ý. Vợ chồng có hai con chung là Nghiêm Phương A, sinh ngày 21/6/2008 và Nghiêm Bảo L, sinh ngày 16/7/2013, sau khi ly hôn anh xin tiếp tục nuôi cháu Phương A còn để chị N nuôi cháu Bảo L, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau; Vợ chồng anh cũng không có tài sản chung, không có nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai người thân hai bên gia đình chị N, anh T thể hiện: Vợ chồng lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng và vấn đề kinh tế gia đình. Hai bên gia đình đã hòa giải động viên nhưng không cải thiện được. Do vậy, chị N xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống; Về con chung đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi các cháu. Vợ chồng chị N, anh T không có tài sản chung, nợ chung, không có công sức đóng góp với gia đình hai bên.

Xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị N, anh T sinh sống xác định: Anh T đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại số 161 QT, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Chị N, anh T có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ vấn đề kinh tế gia đình. Vợ chồng có 02 con chung thống nhất như quan điểm chị N, anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định bảo đảm quyền lợi cho các đương sự và các cháu. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên địa phương không nắm được.

Lời khai cháu Nghiêm Phương A và cháu Nghiêm Bảo L thể hiện các cháu mong muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn. Tại biên bản thỏa thuận ngày 14/8/2020, chị N, anh T thống nhất thuận tình ly hôn; Sau khi ly hôn, chị N tiếp tục nuôi cháu L, anh T tiếp tục nuôi cháu Phương A hai bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và có quyền được thăm nom con chung; xác định không có tài sản chung và đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Nghiêm Trọng T; Về con chung: Giao cháu Nghiêm Bảo L, sinh ngày 16/7/2013 cho chị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Nghiêm Phương A, sinh ngày 28/6/2008 cho anh Nghiêm Trọng T tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau; Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình theo quy định được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết vụ án hôn nhân của chị với anh Nghiêm Trọng T. Anh T cư trú tại số 161 QT, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N, anh T đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N, anh T là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nghiêm Trọng T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 08/10/2007. Do vậy quan hệ hôn nhân của chị N, anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chia sẻ và tin tưởng nhau trong cuộc sống. Chị N, Anh T đều xác

định tình cảm vợ chồng không còn nên chị N xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị N, anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Nghiêm Trọng T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nghiêm Phương A, sinh ngày 21/6/2008 và Nghiêm Bảo L, sinh ngày 16/7/2013. Sau khi ly thân chị N nuôi cháu L, anh T nuôi cháu Phương A. Nay chị N và anh T đều thống nhất để chị N tiếp tục nuôi cháu L, anh T tiếp tục nuôi cháu Phương A, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Cháu Phương A, cháu L có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. Xét nguyện vọng nuôi con của chị N, anh T và nguyện vọng của các cháu khi bố mẹ ly hôn đều là chính đáng. Tuy nhiên, hiện cháu Phương A đang ở cùng anh T, cháu L đang ở cùng chị N. Do vậy để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển tốt nhất cho các cháu cần chấp nhận sự thỏa thuận của chị N, anh T, giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L, anh T tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phương A là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị N, anh T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

- *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nghiêm Trọng T.

- *Về con chung:* Xử giao cháu Nghiêm Bảo L, sinh ngày 16/7/2013 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nghiêm Phương A, sinh ngày 21/6/2008 cho anh Nghiêm Trọng T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0001247 ngày

20/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị N đã thực hiện xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị N và anh Nghiêm Trọng T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường B, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương để lưu hồ tịch;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan